

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/DS-ST
Ngày: 16 – 11 – 2020
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Khon.
2. Ông Phạm Văn Liệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Trường Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 000, ấp 3, xã 1, huyện 5, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 000, khóm 4, thị trấn 2, huyện 5, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai L trình bày:*

- Ngày 07/10/2017, chị Nguyễn Thị Mai L có cho bà Nguyễn Thị Đ vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, hàng tháng vào ngày 7 tây thì trả lãi một lần, thời hạn vay 02 năm, mục đích vay: để bà Đ cho người khác vay lại. Bà Nguyễn Thị Đ có ký tên vào hợp đồng vay và biên nhận nợ cùng ngày, trước khi ký tên bà

Đ có đọc lại. Bà Đ đóng lãi được 8 tháng là 150.000 đồng x 8 tháng = 1.200.000 đồng. Đến nay, bà Đ không trả gốc và lãi theo thỏa thuận.

- Ngày 20/6/2018, chị Nguyễn Thị Mai L có cho bà Nguyễn Thị Đ vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, hàng tháng vào ngày 19 tây thì trả lãi một lần, thời hạn vay 01 năm, mục đích vay: để bà Đ cho người khác vay lại. Bà Nguyễn Thị Đ có ký tên vào hợp đồng vay, biên nhận nợ và tờ cam kết vay tiền cùng ngày, trước khi ký tên bà Đ có đọc lại. Bà Đ trả lãi được 3 tháng là 600.000 đồng x 03 tháng = 1.800.000 đồng. Đến nay, bà Đ không trả gốc và lãi theo thỏa thuận.

- Ngày 20/6/2019, chị Nguyễn Thị Mai L có cho bà Nguyễn Thị Đ vay số tiền 25.000.000 đồng, không tính lãi. Thời hạn vay vài ngày trả. Bà Đ vay để đáo hạn ngân hàng. Bà Đ có ký tên vào biên nhận nợ cùng ngày. Đến nay bà Đ chưa trả số tiền vay gốc cho chị L.

Đối với số tiền lãi bà Đ đã trả tổng cộng là 3.000.000 đồng thì chị L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Mai L yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền vay gốc tổng cộng là 50.000.000 đồng và tiếp tục tính lãi 1,5%/tháng từ ngày 20/9/2019 cho đến khi trả xong hết nợ.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Mai L thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu tính lãi như sau: Chị L yêu cầu bà Đ trả lãi đối với số tiền gốc 20.000.000 đồng (khoản vay ngày 20/6/2018) với mức lãi suất 1,5%/tháng, đối với số tiền gốc 30.000.000 đồng (khoản vay ngày 07/10/2017 và ngày 20/6/2019) với mức lãi suất 0,83%/tháng; trả lãi từ ngày 20/9/2019 đến ngày Tòa án ra bản án hoặc quyết định.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Đ có văn bản trình bày ý kiến như sau:*

- Ngày 07/10/2017, bà Nguyễn Thị Đ có vay chị Nguyễn Thị Mai L số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (750.000 đồng/5.000.000 đồng/tháng) (15%/tháng), làm hợp đồng vay tại cửa hàng Thanh Phú, nhưng giao nhận tiền tại cầu 327, thị trấn 2, huyện 5. Bà Đ đã nhận tiền xong. Thời hạn vay 02 bên không xác định, chỉ trả lãi mỗi tháng. Mục đích vay là vay giùm cho em bà Đ là KH. Bà Đ có ký tên và ghi họ tên vào hợp đồng vay và biên nhận nợ cùng ngày. Khi bà Đ ký tên không đọc lại nội dung, vì bà Đ bận công việc.

- Khoảng vài tháng sau (không xác định ngày tháng, chỉ xác định vào năm 2017) bà Đ tiếp tục vay của chị Nguyễn Thị Mai L số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (750.000 đồng/5.000.000 đồng/tháng) (15%/tháng). Thời hạn vay không xác định. Mục đích vay là vay giùm cho em bà Đ. Bà Đ có ký tên vào hợp đồng vay và biên nhận nợ cùng ngày.

Như vậy, tổng cộng hai lần vay trên là 10.000.000 đồng. Chị L cộng dồn lại 10.000.000 đồng và kêu bà Đ ký tên vào biên nhận nợ. Bà Đ có yêu cầu chị L trả lại 02 biên nhận nợ 5.000.000 đồng nêu trên để xé bỏ nhưng chị L nói để chị L tự xé bỏ, do quên mang theo.

- Khoảng vài tháng sau (không xác định ngày tháng, chỉ xác định năm 2017). Bà Đ tiếp tục vay 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày

(15%/tháng). Thời hạn vay không xác định. Mục đích vay giúp cho em bà Đ. Bà Đ có ký tên và ghi họ tên vào hợp đồng vay và biên nhận nợ cùng ngày.

Sau đó, đến ngày 20/6/2018 chị Nguyễn Thị Mai L có làm chung 01 biên nhận nợ vay 03 lần nêu trên (lần 1 vay số tiền 5.000.000 đồng, lần 2 vay số tiền 5.000.000 đồng và lần 3 vay số tiền 10.000.000 đồng), tổng cộng số tiền 20.000.000 đồng. Bà Đ thừa nhận có ký tên và ghi họ tên vào hợp đồng vay tiền, biên nhận nợ, tờ cam kết vay tiền ngày 20/6/2018 với số tiền là 20.000.000 đồng.

- Cuối năm 2018 (không xác định ngày tháng) thì bà Đ có vay thêm 5.000.000 đồng, nhưng không làm biên nhận nợ. Thời hạn vay không xác định. Mục đích vay giúp cho em bà Đ.

Như vậy, tổng cộng bà Đ thiếu chị L số tiền vay gốc là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra, bà Đ không còn vay của chị L khoản tiền nào khác.

Việc bà Đ cho em của bà Đ vay lại thì bà Đ không yêu cầu gì đối với em bà Đ trong vụ án này.

Do không có tiền đóng lãi từ tháng 03 năm 2019 đến tháng 06 năm 2019; nên ngày 20/6/2019, chị L tính lãi bà Đ phải đóng cho chị L là 25.000.000 đồng (tính lãi còn nợ và cả mấy tháng lãi tiếp theo, vì mỗi tháng đóng lãi 3.750.000 đồng), chị L kêu bà Đ ký vào biên nhận nợ 25.000.000 đồng. Bà Đ thừa nhận chữ ký và chữ viết trong biên nhận ngày 20/6/2019 là của bà Đ, nhưng bà Đ ký nhận nợ là nợ tiền lãi chứ không phải nợ tiền vay. Sau khi ký tên vào biên nhận, bà Đ tính ghi là nợ lãi 25.000.000 đồng nhưng chị L không cho, nên bà Đ mới ghi là “không tính lãi”.

Do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn nên không có tiền trả cho chị L được.

Từ khi vay (ngày 07/10/2017) thì bà Đ đã trả lãi cho chị L tổng cộng số tiền khoảng 30.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi bà Đ đã trả cho chị L thì bà Đ yêu cầu Tòa án xem xét điều chỉnh theo mức lãi suất là 1,66%/tháng.

Bà Đ thống nhất trả cho chị Nguyễn Thị Mai L số tiền vay còn nợ gốc là 25.000.000 đồng, nhưng trả mỗi tháng 700.000 đồng. Bà Đ không đồng ý trả lãi cho chị L vì hoàn cảnh bà Đ gặp khó khăn.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cần phê phán rút kinh nghiệm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai L.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện ngày 21/05/2020 của chị Nguyễn Thị Mai L (bản chính).
- Hợp đồng vay tiền ngày 07/10/2017 (bản chính);

- Biên nhận ngày 07/10/2017 (bản chính);
- Hợp đồng vay tiền ngày 20/6/2018 (bản chính);
- Biên nhận ngày 20/6/2018 (bản chính);
- Tờ cam kết vay tiền ngày 20/6/2018 (bản chính);
- Biên nhận ngày 20/6/2019 (bản chính);
- Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của chị Nguyễn Thị Mai L (bản photo có chứng thực);
- Bản khai, biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Đ (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2020 của chị Nguyễn Thị Mai L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Đ cư trú tại số 000, khóm 4, thị trấn 2, huyện 5, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai L yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền gốc là 50.000.000 đồng; trả lãi đối với số tiền gốc 20.000.000 đồng (khoản vay ngày 20/6/2018) với mức lãi suất 1,5%/tháng, đối với số tiền gốc 30.000.000 đồng (khoản vay ngày 07/10/2017 và ngày 20/6/2019) với mức lãi suất 0,83%/tháng; trả lãi từ ngày 20/9/2019 đến ngày Tòa án ra bản án hoặc quyết định.

Xét thấy, việc chị Nguyễn Thị Mai L trình bày bà Nguyễn Thị Đ có vay số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 07/10/2017, số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 20/6/2018, số tiền 25.000.000 đồng vào ngày 20/6/2019 của chị L đều được thể hiện tại Hợp đồng vay tiền, biên nhận cùng ngày 07/10/2017; Hợp đồng vay tiền, biên nhận, tờ cam kết vay tiền cùng ngày 20/6/2018; biên nhận ngày 20/6/2019 và được bà Đ thừa nhận có ký tên và ghi họ tên; nên việc chị L yêu cầu bà Đ trả các khoản vay gốc nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

Đối với việc yêu cầu trả lãi nêu trên, xét thấy, tại Hợp đồng vay tiền, biên nhận

cùng ngày 07/10/2017, chị L và bà Đ không thể hiện mức lãi suất cụ thể, chỉ thỏa thuận mức lãi suất do các bên thỏa thuận; trong quá trình giải quyết vụ án, chị L và bà Đ không thống nhất mức lãi suất (chị L cho rằng mức lãi suất là 3%/tháng, bà Đ cho rằng mức lãi suất là 15%/tháng); tại Hợp đồng vay tiền, biên nhận, tờ cam kết vay tiền cùng ngày 20/6/2018, chị L và bà Đ thỏa thuận mức lãi suất là 3%/tháng được ghi nhận tại Hợp đồng vay tiền ngày 20/6/2018; trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đ trình bày mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 15%/tháng, nhưng không có chứng cứ gì chứng minh; Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị L về việc trả lãi nêu trên là phù hợp theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Lãi được tính như sau:

$20.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/tháng \times 13,9 \text{ tháng (từ ngày 20/9/2019 đến ngày 16/11/2020)} = 4.170.000 \text{ đồng}.$

$30.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 13,9 \text{ tháng (từ ngày 20/9/2019 đến ngày 16/11/2020)} = 3.461.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng gốc lãi là $50.000.000 \text{ đồng} + 7.631.000 \text{ đồng} (4.170.000 \text{ đồng} + 3.461.000 \text{ đồng}) = 57.631.000 \text{ đồng}$ (năm mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi một nghìn đồng).

[2.2] Đối với việc trình bày của bà Nguyễn Thị Đ về việc bà Đ chỉ nợ chị L số tiền vay gốc là 25.000.000 đồng, số tiền 25.000.000 đồng mà bà Đ nợ chị L theo Biên nhận ngày 20/6/2019 là nợ tiền lãi, bà Đ đã trả lãi cho chị L khoảng 30.000.000 đồng và yêu cầu điều chỉnh lãi đối với số tiền lãi khoảng 30.000.000 đồng theo mức lãi suất 1,66%/tháng.

Tòa án đã ra thông báo số 01/TB-TA ngày 23/9/2020 và Thông báo số 01B/TB-TA ngày 24/9/2020, về việc yêu cầu đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ kiện, nộp đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện nhưng bà Đ không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trình bày của mình là có căn cứ và không yêu cầu khởi kiện; nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của bà Đ như nêu trên và không xem xét, giải quyết yêu cầu của bà Đ trong vụ án này. Đối với yêu cầu điều chỉnh lãi đối với số tiền lãi khoảng 30.000.000 đồng theo mức lãi suất 1,66%/tháng, nếu bà Đ có phát sinh tranh chấp và nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, buộc bà Đ phải trả số tiền còn nợ gốc, lãi là 57.631.000 đồng, nên bà Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273

của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai L.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ trả cho chị Nguyễn Thị Mai L số tiền gốc và lãi còn nợ là 57.631.000 đồng (năm mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.881.500 đồng (hai triệu, tám trăm tám mươi một nghìn đồng).

Trả cho chị Nguyễn Thị Mai L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.125.000 đồng (một triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BI/2019/0001971 ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Trần Thị Bạch Phiến